

Bản án số: 288/2022/DS-PT

Ngày: 11-07-2022

V/v: “*Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất và tranh
chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt;

Ông Phạm Minh Tùng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11/07/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 03 năm 2022 về “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/ DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 05 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1936; địa chỉ cư trú: Số 195, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:*

1. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1952;

Địa chỉ cư trú: Số 194, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Lâm Thị Kim L, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Số 196, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1959;

2. Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 196, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Văn T có chị Lâm Thị Kim L, sinh năm 1976;

3. Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1951;
4. Chị Huỳnh Thị Ngọc H1, sinh năm 1978;
5. Chị Huỳnh Ngọc H2, sinh năm 1981;
6. Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 195, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Trần Thị G, sinh năm 1956;
8. Anh Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1976;
9. Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 1978;
10. Chị Huỳnh Thị H3, sinh năm 1986;
11. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1989;
12. Chị Huỳnh Thị S1, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 194, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị G, anh Huỳnh Thanh T1, anh Huỳnh Văn T2, chị Huỳnh Thị H3, chị Huỳnh Thị N, chị Huỳnh Thị S1 có ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1952.

13. Ông Trần Văn B, sinh năm 1937;
14. Chị Trần Thị T3, sinh năm 1964;
15. Anh Trần Văn T4, sinh năm 1969;
16. Chị Trần Thị T5, sinh năm 1972;
17. Chị Trần Thị T6, sinh năm 1977;
18. Chị Trần Thị Thu N1, sinh năm 1979;
19. Chị Trần Thị Tuyết L2, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 689, Khu vực T 2, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

20. Ủy ban nhân dân huyện L;
Địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm B 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;
21. Ông Đặng Văn P, sinh năm 1948;
22. Chị Đặng Kim T7, sinh năm 1965;
23. Anh Đặng Minh T8, sinh năm 1966;
24. Anh Đặng Minh T9, sinh năm 1970;
25. Chị Đặng Thị Kim A, sinh năm 1976;
26. Chị Đặng Thị Kim N2;
27. Anh Đặng Minh P, sinh năm 1978;
- 3.28. Chị Đặng Thị T10, sinh năm 1982;
29. Chị Đặng Thị Kim L3, sinh năm 1984;

30. Chị Đặng Thị Kim P2, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Khu vực T 1, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

31. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn H sinh năm 1936 là nguyên đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2016 (bổ sung đơn khởi kiện ngày 05/9/2016 và ngày 24/3/2017), khởi kiện bổ sung ngày 14/9/2020; các biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày:*

Cha mẹ ông H tên Huỳnh Văn B1 (Chết 1993) và Huỳnh Thị H3 (Chết 2000), cụ B1 và cụ H4 có 06 người con là Huỳnh Thị N3 (Chết 2016); Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị C1 (Chết khoảng 2009); Huỳnh Văn L; Huỳnh Văn N4 (Chết 2005) và Huỳnh Thị C. Khi còn sống cụ B1 và cụ H4 có tạo dựng được một phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 2.700m² (Trong đó 300m² đất ở nông thôn và 2.400m² đất trồng cây lâu năm), theo như đo đạc thực tế của Tòa án là 1.807,5m², thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 1a, tọa lạc tại xã B, huyện L, do cụ H4 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ B1 và cụ H4 chết không để lại di chúc, lúc còn sống cụ B1 và cụ H4 có cho vợ chồng ông L sử dụng một phần đất theo đo đạc của Tòa án là 187m² (thể hiện ở các mốc 10, 11, 14 và 19) thuộc một phần của thửa đất 176 để cất nhà ở. Cho vợ chồng anh N4, chị L1 diện tích theo đo đạc của Tòa án là 130m² (thể hiện ở các mốc 1, 2, 3 và 18) để sử dụng cất nhà ở, đồng thời lúc cụ H4 còn sống thì cụ H4 sống chung với hộ gia đình vợ chồng anh N4, chị L1, cụ H4 sử dụng phần diện tích 102,5m² (mốc 3, 4, 5, 6 và 7), diện tích 79,5m² (mốc 11, 12, 13 và 14), diện tích 39,9m² (mốc 1, 2, 7 và 8), diện tích 3m² (mốc 9, 10 và 11) để trồng cây trái cụ thể là: Trên diện tích 102,5m² cụ H4 có trồng 02 cây dừa loại A; trên diện tích 79,5m² cụ H4 có trồng 01 cây dừa loại A; Trên diện tích 39,9m² cụ H4 có trồng 01 cây xoài loại A. Phần diện tích còn lại của thửa 176 thì ông H sử dụng từ khoảng năm 1971 đến nay. Đến năm 2000, cụ H4 chết thì ông H tiếp tục sử dụng phần đất của cụ H4 để lại để trồng cây trái như hiện nay. Đến 28/10/2015 thì ông L, chị L1 cùng các hàng thừa kế của cụ H4 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 176 của bà H3, ngày 11/01/2016 thì Tòa án nhân dân huyện L ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với lý do đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Do ông H là người trực tiếp sử dụng đất sau khi cụ H4 chết từ năm 2000, nên ngày 27/5/2016, ông H làm đơn xin cấp quyền sử dụng đất cho ông H đối với thửa 176. Khi cán bộ đo đạc đến đo đạc để cấp quyền sử dụng đất cho ông H và có yêu cầu chị L1 và ông L xác định ranh để đo đạc cấp quyền sử dụng đất cho ông H, vì ông H đồng ý cho chị L1 tiếp tục sử dụng diện tích 130m² (M1, M2, M3, M18) chị L1 đang sử dụng và cho anh L 187m² (M10, M11, M14, M19)

đang sử dụng. Tuy nhiên chị L1 không đồng ý theo yêu cầu của ông H và yêu cầu ông H phải trả cho chị L1 diện tích 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7) thì chị L1 mới đồng ý ký tên cho ông H làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông L yêu cầu ông H trả cho ông L diện tích 79,5m² thì ông L mới đồng ý ký tên cho ông H làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông H. Nên ông H không đồng ý và đến ngày 02/8/2016 làm đơn khởi kiện yêu cầu ông L trả lại cho ông H quyền sử dụng đất diện tích 86,19m² đất và chị L1 trả lại 78,84m².

Đến ngày 12/12/2016 Tòa án đo đạc thực tế phần đất tranh chấp thì ông L yêu cầu ông H trả cho ông L có diện tích theo như đo đạc của Tòa án là 82,5m² và chị L1 yêu cầu ông H trả lại quyền sử dụng diện tích 142,4m². Cụ thể ông L và chị L1 yêu cầu như sau:

Ông L yêu cầu ông H trả cho ông L quyền sử dụng đất diện tích 79,5m² (M11, M12, M13, M14) và 3m² (M9, M10, M11).

Chị L1 yêu cầu trả cho chị L1 quyền sử dụng đất diện tích 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7) và 39,9m² (M1, M2, M7, M8).

Nay anh Hiếu đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Văn H yêu cầu như sau:

Yêu cầu hộ ông Huỳnh Văn L trả lại cho ông H quyền sử dụng đất diện tích 79,5m² (M11, M12, M13, M14) và 3m² (M9, M10, M11). Tổng cộng là 82,5m² đất trồng cây lâu năm thuộc một phần của thửa 176 tờ bản đồ 1a, tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp và đồng ý cho hộ ông L sử dụng diện tích 187,9m² (M10, M11, M14, M19).

Yêu cầu hộ chị Lâm Thị Kim L trả lại cho ông H diện tích 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7) và 39,9 m² (M1, M2, M7, M8). Đồng ý cho chị L1 được quyền sử dụng diện tích 130m² (M1, M2, M3, M18) thuộc một phần của thửa 176 tờ bản đồ 1a, tọa lạc tại xã Bình Thành, huyện L, Đồng Tháp.

Ngày 14/9/2020 ông Huỳnh Văn H có đơn khởi kiện bổ sung về việc “Tranh chấp thừa kế”. Ông H yêu cầu Tòa án xem xét chia phần đất diện tích 2.600m², thửa 6b do cụ H4 chết để lại (trị giá 260.000.000 đồng) làm hai phần, chia cho ông H 1.300m² trị giá 130.000.000 đồng và chia cho bà Loan 1.300m² trị giá 130.000.000 đồng. Đất này ông Huỳnh Văn N4 (chồng bà Loan) đã nhận và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn O.

Ông H không đồng ý theo yêu cầu chia thừa kế của ông L, Bà C, những người thừa kế của Bà N3 và bà Loan, vì lúc còn sống cụ H4 đã chia phần đất ruộng cho ông L rồi, còn Bà C thì nhận thành quả lao động diện tích 17.000m² đất ruộng, lúc bà Chính nhận thành quả lao động thì cụ H4 còn sống.

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018; các biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày và tại phiên tòa bị đơn Huỳnh Văn L trình bày:*

Cha mẹ ông L tên Huỳnh Văn B1 (Chết 1993) và Huỳnh Thị H4 (Chết 2000), cụ B1 và cụ H4 có 06 người con là Huỳnh Thị N3 (Chết 2016); Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị C1 (Chết khoảng 2009); Huỳnh Văn L; Huỳnh Văn N4 (Chết

2005) và Huỳnh Thị C. Khi còn sống cụ B1 và cụ H4 có tạo dựng được một phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 2.700m² (Trong đó 300m² đất ở nông thôn và 2.400m² đất trồng cây lâu năm) theo như đo đạc thực tế của Tòa án là 1.807,5m², thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 1a, tọa lạc tại xã B, huyện L, do cụ H4 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ B1 và cụ H4 chết không để lại di chúc, lúc còn sống cụ B1 và cụ H4 có cho vợ chồng ông L sử dụng một phần đất theo như đo đạc của Tòa án là 190.9m² (Trong đó 187,9m² (M10, M11, M14, M19) và 3m² (M9, M10, M11)) thuộc một phần của thửa đất 176 để cất nhà ở từ năm 1990 đến nay. Còn cụ H4 thì sống chung với hộ gia đình vợ chồng Nghé, Loan và sử dụng diện tích 351,9m² theo như đo đạc của Tòa án (Trong đó 130m² (M1, M2, M3, M18), diện tích 79,5m² (M11, M12, M13, M14), diện tích 39,9 m² (M1, M2, M7, M8), diện tích 102,5m² (M3, M4, M5 M6, M7) phần đất còn lại của thửa đất 176 thì ông H sử dụng. Đến năm 2000, cụ H4 chết thì vợ chồng anh N4 và chị L1 sử dụng, đến năm 2005 anh N4 chết thì ông H lấy lại diện tích 79,5m² (M11, M12, M13, M14), diện tích 39,9 m² (M1, M2, M7, M8) và diện tích 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7) sử dụng cho đến nay.

Ông L không đồng ý giao trả lại quyền sử dụng đất theo như yêu cầu của ông H.

Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông Huỳnh Văn B1 và bà Huỳnh Thị H3 để lại là thửa đất số 176, tờ bản đồ 1a thành 06 phần bằng nhau cho 06 anh chị em của ông L bao gồm bà Huỳnh Thị N3 (Chết 2016); Huỳnh Văn H, Huỳnh Thị C1 (Chết khoảng 2009); Huỳnh Văn L; Huỳnh Văn N4 (Chết 2005); Huỳnh Thị C.

Ông L yêu cầu được nhận 301,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 176 tờ bản đồ 1a, theo đo đạc thực tế là 270,7m² thể hiện ở các mốc 6, 2, 20, 8, 7, 21 về 6 và phần cây trồng có trên đất gồm: 01 cây vú sữa, 02 cây mận, 07 cây xoài và 01 cây gòn.

Ông L khẳng định ngoài phần đất thửa 176, tờ bản đồ số 1a, cụ B1 và cụ H4 không còn để lại di sản nào khác.

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018; các biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Lâm Thị Kim L và anh Huỳnh Văn T trình bày:*

Bà L3 là vợ của ông Huỳnh Văn N4, ông N4 và bà L3 có 01 con chung là anh Huỳnh Văn T, ông N4 chết năm 2005. Ông N4 là con ruột của bà Huỳnh Thị H4 và ông Huỳnh Văn B1. Cụ B1 và cụ H4 có tất cả 06 người con như lời trình bày của ông L. Lúc còn sống cụ B1 và cụ H4 có tạo dựng được một phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 2700m² (Trong đó 300m² đất ở nông thôn và 2.400m² đất trồng cây lâu năm) theo như đo đạc thực tế của Tòa án là 1.807,5m² thuộc thửa đất số 176, tờ bản đồ số 1a, tọa lạc tại xã B, huyện L, do

cụ H4 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ B1 và cụ H4 chết không để lại di chúc, lúc còn sống cụ B1 và cụ H4 sống chung với hộ gia đình vợ chồng anh N4, chị L1 và sử dụng diện tích 351,9m² đất (Trong đó 130m² (M1, M2 M3, M18) chị L1 đang sử dụng, diện tích 79,5m² (M11 M12 M13 M14), diện tích 39,9m² (M1, M2, M7, M8), diện tích 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7) (Phần đất đang tranh chấp) thuộc một phần của thửa đất số 176, phần đất còn lại của thửa đất 176 thì ông H sử dụng. Đến năm 2000 cụ H4 chết thì vợ chồng ông N4 và bà L3 tiếp tục sử dụng 130m² (M1, M2, M3, M18), diện tích 79,5m² (M11, M12, M13, M14), diện tích 39,9m² (M1, M2, M7, M8), 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7), đến năm 2005 ông N4 chết thì ông H lấy lại diện tích 79,5m² (M11, M12, M13, M14), diện tích 39,9m² (M1, M2, M7, M8), diện tích 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7) để sử dụng cho đến nay.

Trên phần diện tích 79,5m² (M11, M12, M13, M14), diện tích 39,9m² (M1, M2, M7, M8), diện tích 102,5m² (M3, M4, M5, M6, M7) có trồng nhiều cây trái theo như Tòa án thẩm định là do cụ H4 trồng. Đến năm 2005, ông N4 chết thì ông H lấy lại sử dụng và trồng thêm cây chuối. Trên diện tích 39,9m² (M1, M2, M7, M8) có 03 cây xoài là do cụ H4 trồng chị L1 sử dụng đến 2005. Từ 2005 đến nay, do có tranh chấp nên diện tích 39,9m² (M1 M2, M7, M8) cùng cây trái không ai sử dụng.

Bà Lâm Thị Kim L và anh Huỳnh Văn T không đồng ý yêu cầu của ông Huỳnh Văn H. Bà Loan và anh Tyêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà Huỳnh Thị H4 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1807,5m² (theo sơ đồ đo đạc ngày 13/12/2016), còn theo sơ đồ đo đạc ngày 11/01/2022 là 1.820,6m² thuộc thửa đất số 176 tờ bản đồ 1a, do bà Huỳnh Thị H4 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp thành 06 phần bằng nhau, bà L3 và anh T là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Huỳnh Văn N4 yêu cầu được nhận 301,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 176 tờ bản đồ 1a. Theo đo đạc thực tế diện tích 272,4m², thể hiện ở các mốc 9, 10, 11, 12, 13, 14 và trở về 9 yêu cầu được nhận các cây trồng có trên đất gồm: 09 cây xoài và 01 cây dừa, các cây này do cụ H4 và ông N4 trồng.

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018; các biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C trình bày: Bà C thống nhất với lời trình bày của ông L về họ tên cha, mẹ anh chị em trong gia đình và tài sản của cha mẹ để lại.*

Bà Huỳnh Thị C yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà Huỳnh Thị H4 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1807,5m² (theo sơ đồ đo đạc ngày 13/12/2016), còn theo sơ đồ đo đạc ngày 11/01/2022 là 1.820,6m² thuộc thửa 176 tờ bản đồ 1a, do bà Huỳnh Thị H4 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp thành 06 phần bằng nhau, Bà C yêu cầu được nhận 301,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 176 tờ bản đồ 1a. Đo đạc thực tế diện tích 246,4m², thể hiện ở các mốc 18, 3, 4, 19 và trở về 18, trên đất có các cây trồng

gồm: 06 cây xoài loại A; 01 cây dừa loại A và 06 cây loại D; 04 cây nhãn loại A; 09 cây mít loại A và 04 cây loại D. Tất cả các cây trồng này do ông H trồng. Bà C đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông H theo giá quy định của Nhà nước.

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018; các biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1, và chị Trần Thị Tuyết L2 trình bày:*

Các đương sự là người thừa kế của Bà N3. Bà N3 là con của cụ B1 và bà H4, nay các đương sự thống nhất với lời trình bày của ông L về họ tên cha, mẹ anh chị em trong gia đình và tài sản của cha mẹ bà N3 để lại.

Ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1, và chị Trần Thị Tuyết L2 yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà Huỳnh Thị H3 để lại là quyền sử dụng đất diện tích theo sơ đồ đo đạc ngày 11/01/2022 là 1.820,6m² thuộc thửa 176 tờ bản đồ 1a, do bà Huỳnh Thị H3 đứng tên quyền sử dụng, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, Đồng Tháp thành 06 phần bằng nhau. Ông B, chị T3, anh T4, chị T5, chị T6, chị N1 và chị L2 là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Huỳnh Thị N3 yêu cầu được nhận nhận 301,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 176 tờ bản đồ 1a, theo đo đạc thực tế diện tích 306,6m², thể hiện ở các mốc 10, 11, 12, 17, 5, 16, 15 và trở về 10, trên đất có 03 ngôi mộ. Yêu cầu được nhận các cây trồng có trên đất gồm: 11 cây xoài loại A và 05 cây loại D; 04 cây mận loại A; 02 cây mít loại A và 03 cây loại D. Không đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông H, vì phần cây trồng này là do cụ H4 trồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ, chị Huỳnh Thị Ngọc H1, Huỳnh Ngọc H2 và anh Huỳnh Thanh S có anh Nguyễn Văn H5 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của ông H, ngoài ra không trình bày gì thêm.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị G, anh Huỳnh Thanh T1, anh Huỳnh Văn T2, chị Huỳnh Thị H3, chị Huỳnh Thị N, chị Huỳnh Thị S1 ủy quyền cho ông Huỳnh Văn L trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông L, ngoài ra không có trình bày gì thêm.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Kim T7, chị Đặng Thị Kim N2, chị Đặng Thị Kim A, anh Đặng Minh T9 và ông Đặng Văn P, anh Đặng Minh Phụng và anh Đặng Minh T8 trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019, ngày 04/7/2019, ngày 10/7/2019 và ngày 12/7/2019 các đương sự là người thừa kế của bà Cúc, các đương sự khước từ không nhận di sản của ông B1, cụ H4 để lại.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn O trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2021: Ông O có nhận chuyển nhượng đất của ông H, ông N4, bà L3, thời gian khoảng trên 10 năm, diện tích 2.600m², thửa 149, tờ*

bản đồ số 50, đất trồng lúa nước, giá tiền nhận chuyển nhượng 02 công đất là 32.000.000 đồng. Ông O trực tiếp trả tiền cho ông H, ông N4 và bà Loan, khi chuyển nhượng có làm giấy tay và ông H, ông N4, Bà N3, bà C1, Bà C đều có ký tên. Ông O đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008, thửa 149, tờ bản đồ số 50, diện tích 2.772m², đất trồng lúa. Ông O xác định việc ông nhận chuyển nhượng đất là hợp pháp, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và ông xin vắng mặt. Việc ông H kiện bà Loan yêu cầu chia thừa kế phần đất đã chuyển nhượng cho ông, ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa ông L, Bà C, chị L1, chị L2 thống nhất chừa lối đi chung vào phần đất có diện tích là 145m² theo sơ đồ đo đạc ngày 11/01/2022. Đối với phần thừa kế của bà Cúc ông L, Bà C, chị L1, chị L2 sự thống nhất giao cho ông H quản lý, khi nào những người thừa kế của bà C1 có yêu cầu tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2016, ngày 31/5/2018 do Tòa án lập và sơ đồ đo đạc ngày 13/12/2016, ngày 11/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L; thống nhất biên bản định giá tài sản ngày 12/12/2016 của Hội đồng định giá.

Đối với những người thừa kế của bà Cúc có chị Đặng Thị T10, Đặng Thị Kim P2 và Đặng Thị Kim L3, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra thông báo cho các đương sự cung cấp địa chỉ, nhưng các đương sự không cung cấp được địa chỉ, nên Tòa án không làm việc được.

*** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:**

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn L và bà Lâm Thị Kim L trả lại đất.

- Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh Văn H đối với thửa số 6^b, tờ bản đồ 1, diện tích 2.600m².

- Chấp nhận yêu cầu phản tố ông Huỳnh Văn L và bà Lâm Thị Kim L; yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị C và những người thừa kế của Bà N3 về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất 176, tờ bản đồ số 1a, diện tích 1.820,6m².

- Xác định di sản của cụ B1 và cụ H4 để lại là thửa đất 176, tờ bản đồ số 1a, theo đo đạc thực tế diện tích 1.820,6m² (Trong đó 300m² đất ở nông thôn và 1.520,6m² đất trồng cây lâu năm) – 145m² lối đi chung = 1.675,6m² được chia làm 06 phần cụ thể:

+ Ông Huỳnh Văn L được hưởng thừa kế diện tích là 270,7m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 170,7m² đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc 6, 2, 20, 8, 7, 21 về 6 và phần cây trồng có trên đất gồm: 01 cây vú sữa, 02 cây mận, 07 cây xoài và 01 cây gòn.

+ Bà Lâm Thị Kim L và anh Huỳnh Văn T được hưởng thừa kế diện tích 272,4m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 172,4m² đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc 9, 10, 11, 12, 13, 14 và trở về 9 và các cây trồng có trên đất gồm: 09 cây xoài và 01 cây dừa.

+ Bà Huỳnh Thị C được hưởng thừa kế diện tích 246,4m² (đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc 18, 3, 4, 19 và trở về 18 và các cây trồng gồm: 06 cây xoài loại A; 01 cây dừa loại A và 06 cây loại D; 04 cây nhãn loại A; 09 cây mít loại A và 04 cây loại D.

+ Ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1, và chị Trần Thị Tuyết L2 được hưởng thừa kế diện tích 306,6m² (đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc 10, 11, 12, 17, 5, 16, 15 và trở về 10; trên đất có 03 ngôi mộ và các cây trồng có trên đất gồm: 11 cây xoài loại A và 05 cây loại D; 04 cây mận loại A; 02 cây mít loại A và 03 cây loại D.

+ Ông Huỳnh Văn H được hưởng thừa kế của ông H và quản lý phần thừa kế của bà Cúc diện tích 251,5m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 151,5m² đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc 1, 14, 13, 12, 17 về 1 và diện tích 328m² (đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc 16, 15, C, B, A, 19 về 16 và các cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

Xác định lối đi chung có diện tích 145m² thể hiện ở các mốc 9, 6, 21, 7, 8, 18, A, B, C, 10 và trở về 9.

Các đương sự được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích của mình được hưởng thừa kế theo bản án tuyên (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2018 của Tòa án; sơ đồ đo đạc ngày 11/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Bà Lâm Thị Kim L và anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn H 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

Bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn H 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1, và chị Trần Thị Tuyết L2 có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn H 19.815.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm ông H kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm. Ông yêu cầu xem xét để chia thừa kế đối với thửa đất 6b, tờ bản đồ số 1.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thống nhất nội dung của quyết định bản án sơ thẩm;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và tranh chấp quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phần đất các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại xã B, huyện L nên Tòa án huyện L thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- *Về nguồn gốc đất tranh chấp:* các nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của cụ Huỳnh Văn B1 và cụ Huỳnh Thị H3 để lại. Trước đây, trong quá trình chung sống cụ B1 và cụ H4 có tạo lập được diện tích đất 5.300m², vào ngày 22/10/1991 cụ Huỳnh Thị H3 đứng tên quyền sử dụng đất với diện tích là 5.300m² gồm: thửa số 176, tờ bản đồ số 1A, diện tích 2.700m² (trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 2.400m² đất trồng cây lâu năm) và thửa số 6^b, tờ bản đồ 1, diện tích 2.600m² mục đích sử dụng 2L. Vào ngày

01/04/2005, thửa số 6^b, tờ bản đồ 1, diện tích 2.600m² được chuyển cho ông Huỳnh Văn N4. Diện tích đất còn lại là 2.700m² thửa số 176 khi xảy ra tranh chấp theo sơ đồ đo đạc ngày 13/12/2016 là 1.807,5m²; đo đạc lại theo sơ đồ ngày 11/01/2022 là 1.820,6m².

- *Về hàng thừa kế:* Cụ Huỳnh Văn B1 (Chết 1993), cụ Huỳnh Thị H3 (Chết 2000), cụ B1 và cụ H4 có 06 người con gồm:

1. Huỳnh Thị N3 (Chết 2016); có chồng là ông Trần Văn B và các con là chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1, và chị Trần Thị Tuyết L2;

2. Huỳnh Văn H;

3. Huỳnh Thị C1 (Chết khoảng 2009); chồng là ông Đặng Văn P và các con là chị Đặng Kim T7, Anh Đặng Minh T8, Anh Đặng Minh T9, Chị Đặng Thị Kim A, Chị Đặng Thị Kim N2; Anh Đặng Minh P, Đặng Thị T10, Đặng Thị Kim P2 và Đặng Thị Kim L3.

4. Huỳnh Văn L;

5. Huỳnh Văn N4 (Chết 2005) có vợ là Lâm Thị Kim L và con là Huỳnh Văn T.

6. Huỳnh Thị C.

- *Về quá trình sử dụng:*

Sau khi cụ H4 chết, ông H có phát sinh tranh chấp; nhưng ông H không có văn bản, chứng cứ hay giấy tờ để chứng minh diện tích đất nói trên là của cụ H4 đã tặng cho ông H trước khi cụ H4 chết. Do đó, theo Quyết định số 212/QĐ-UBND.NĐ ngày 24/03/2015 Ủy ban nhân dân huyện L đã thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Huỳnh Văn H do không đúng quy định. Vì vậy, diện tích đất 1.820,6m² này vẫn do cụ Huỳnh Thị H3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ B1 và cụ H4 là vợ chồng nên diện tích đất nói trên là tài sản chung của cụ B1 và cụ H4. Cụ B1 và cụ H4 đã chết nên diện tích đất này được xác định là di sản thừa kế chưa chia; Việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết chia thừa kế phần di sản có diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1.820,6m² của cụ H4 để lại cho hàng thừa kế của cụ H4 và cụ B1 là có căn cứ;

Đối với, yêu cầu kháng cáo của ông H đối với thửa số 6^b, tờ bản đồ 1, diện tích 2.600m² đã được chuyển cho ông Huỳnh Văn N4, sau đó ông N4 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn O và hiện nay ông Nguyễn Văn O đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 thành thửa 149, tờ bản đồ số 50, diện tích 2.772m², đất trồng lúa. Tại phiên tòa, ông H cũng thừa nhận là phần đất này ông đứng ra bán cho ông O diện tích 1.300m², trực tiếp nhận tiền từ ông O sau đó giao lại cho ông N4 trị bệnh, phần còn lại 1.300m² thì ông N4 bán cho ông O. Theo lời khai của ông O thì phần đất này ông nhận chuyển nhượng đất của ông H, ông N4, bà L3, thời gian khoảng trên 10 năm, diện tích 2.600m², thửa 149, tờ bản đồ số 50, đất trồng lúa nước, giá tiền nhận chuyển nhượng 02

công đất là 32.000.000 đồng. Ông O trực tiếp trả tiền cho ông H, ông N4 và bà L3, khi chuyển nhượng có làm giấy tay và ông H, ông N4, Bà N3, bà C1, Bà C đều có ký tên.

Nay ông H yêu cầu được chia 1.300m², trị giá 130.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo bà L3, ông L, Bà C có trình bày thì việc thỏa thuận chuyển nhượng cho ông O diện tích 2.600m² sau khi cụ H4 chết và giấy tờ chuyển nhượng vào năm 2003 có thể hiện tất cả hàng thừa kế của cụ H4 đều ký tên, đồng ý cho ông N4 chuyển nhượng để lấy tiền điều trị bệnh, từ đó cho thấy việc chuyển nhượng này là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đất đã chuyển nhượng rồi và có sự đồng ý của hàng thừa kế nên tài sản này không còn là di sản thừa kế nữa. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H đối với thửa đất này là có căn cứ.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H;

Do ông H là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 148, Điều 157, Điều 164, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H;
2. Giữ nguyên nội dung quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện L;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn L và bà Lâm Thị Kim L1 trả lại đất.

Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh Văn H đối với thửa số 6^b, tờ bản đồ 1, diện tích 2.600m².

Chấp nhận yêu cầu phản tố ông Huỳnh Văn L và bà Lâm Thị Kim L; yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị C và những người thừa kế của Bà N3 về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất 176, tờ bản đồ số 1a, diện tích 1.820,6m².

Xác định di sản của cụ B1 và cụ H4 để lại là thửa đất 176, tờ bản đồ số 1a, theo đo đạc thực tế diện tích 1.820,6m² (Trong đó: 300m² đất ở nông thôn và

1.520,6m² đất trồng cây lâu năm) – 145m² lối đi chung = 1.675,6m² được chia làm 06 phần cụ thể:

- Ông Huỳnh Văn L được hưởng thừa kế diện tích là 270,7m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 170,7m² đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc (6, 2, 20, 8, 7, 21 về 6) và phần cây trồng có trên đất gồm: 01 cây vú sữa, 02 cây mận, 07 cây xoài và 01 cây gòn.

- Bà Lâm Thị Kim L và anh Huỳnh Văn T được hưởng thừa kế diện tích 272,4m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 172,4m² đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc (9, 10, 11, 12, 13, 14 và trở về 9) và các cây trồng có trên đất gồm: 09 cây xoài và 01 cây dừa.

Bà Lâm Thị Kim L và anh Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn H giá trị cây trồng trên phần đất được chia là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng).

- Bà Huỳnh Thị C được hưởng thừa kế diện tích 246,4m² (loại đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc (18, 3, 4, 19 và trở về 18) và các cây trồng gồm: 06 cây xoài loại A; 01 cây dừa loại A và 06 cây loại D; 04 cây nhãn loại A; 09 cây mít loại A và 04 cây loại D.

Bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn H giá trị cây trồng trên đất được chia là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

- Ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1, và chị Trần Thị Tuyết L2 được hưởng thừa kế diện tích 306,6m² (loại đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc (10, 11, 12, 17, 5, 16, 15 và trở về 10), trên đất có 03 ngôi mộ và các cây trồng có trên đất gồm: 11 cây xoài loại A và 05 cây loại D; 04 cây mận loại A; 02 cây mít loại A và 03 cây loại D.

Ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1, và chị Trần Thị Tuyết L2 có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn H giá trị cây trồng có trên phần đất được chia là 19.815.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm mười lăm nghìn đồng).

- Ông Huỳnh Văn H được hưởng thừa kế của ông H và quản lý phần thừa kế của bà Cúc diện tích 251,5m² (trong đó có 100m² đất ở nông thôn và 151,5m² đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc (1, 14, 13, 12, 17 về 1) và diện tích 328m² (đất cây lâu năm) thể hiện ở các mốc (16, 15, C, B, A, 19 về 16) và các cây trồng vật kiến trúc có trên đất.

- Xác định lối đi chung có diện tích 145m² thể hiện ở các mốc (9, 6, 21, 7, 8, 18, A, B, C, 10 và trở về 9).

Các đương sự được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích của mình được hưởng thừa kế theo bản án tuyên;

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/5/2018 của Tòa án; sơ đồ đo đạc ngày 11/01/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn L và bà Huỳnh Thị C.

Ông Huỳnh Văn H được nhận lại 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 11472 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ông Huỳnh Văn L được nhận lại 1.127.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001420 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bà Huỳnh Thị C được nhận lại 1.127.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001477 ngày 13/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Bà Lâm Thị Kim L và anh Huỳnh Văn T chịu 3.425.000 đồng tiền án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.127.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001444 ngày 03/4/2018, bà Loan, anh T còn phải nộp thêm 2.298.000 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1 và chị Trần Thị Tuyết L2 phải chịu 2.370.000 đồng tiền án phí, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 690.000 đồng theo biên lai thu số 0003354 ngày 20/11/2018; Ông Trần Văn B, chị Trần Thị T3, anh Trần Văn T4, chị Trần Thị T5, chị Trần Thị T6, chị Trần Thị Thu N1 và chị Trần Thị Tuyết L2 phải nộp thêm số tiền 1.680.000 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là: 3.276.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) ông Huỳnh Văn H chịu (đã thu và chi xong).

- Về án phí phúc thẩm: Ông H được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm;

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh